

THÔNG BÁO
CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA CƠ SỞ MẦM NON
HỌC KỲ II - Năm học: 2021 – 2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Trẻ trong độ tuổi phát triển bình thường là 98.9%	Trẻ trong độ tuổi phát triển bình thường là 98.9%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình ban hành kèm theo thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình ban hành kèm theo thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. - Đạt 90% trẻ có cân nặng, chiều cao bình thường. - Giúp trẻ phát triển tốt về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội. - Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng.	100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. - Đạt 80% trẻ có cân nặng, chiều cao bình thường. - Giúp trẻ phát triển tốt về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội. - Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng. - Giáo dục những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng ẩn nhằm giúp trẻ có nền tảng tốt để chuẩn bị cho các lớp học tiếp theo.

IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Trang bị cơ sở vật chất bán trú để đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đạt tốt: - Trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, các đồ chơi phát triển vận động... để đảm bảo tốt hoạt động vui chơi và học tập cho trẻ. - Cải tạo sân chơi, vườn cây của bé, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. - Thực hiện kết nối mạng nội bộ toàn trường, tạo điều kiện cho việc thông tin, báo cáo, quản lý hoạt động giảng dạy kịp thời.
----	---	---

Quận Đống Đa, ngày 26 tháng 7 năm 2022



Nguyễn Thị Bích Loan

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ
HỌC KỲ II - Năm học: 2021 – 2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	183		19	25	26	57	56
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	183		19	25	26	57	56
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	183		19	25	26	57	56
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	183		19	25	26	57	56
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	183		19	25	26	57	56
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	170		19	23	23	51	54
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1					1	
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1				1		
5	Số trẻ thừa cân béo phì	11			2	2	5	2
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	183		19	25	26	57	56
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	44		19	25			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	139				26	57	56

Quận 6, ngày 26 tháng 7 năm 2022



Nguyễn Thị Bích Loan

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CƠ SỞ GDMN
HỌC KỲ II - Năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	9	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	661.9	2,06
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	189.3	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	495	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	495	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	96	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	65.8	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	9	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		Số bộ/sân chơi (trường)

IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	14	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Tivi	7	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	6	
3	Máy photocopy	1	
4	Bàn ghế đúng quy cách	183	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	9		0.3	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Quận 6, ngày 06 tháng 7 năm 2022



Nguyễn Thị Bích Loan

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN (HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2021 – 2022)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	31													
I	Giáo viên	19			14	4	1								
1	Nhà trẻ	5			3	1	1		1	4					
2	Mẫu giáo	13			6	4	3		4	6	3				
II	Cán bộ quản lý	3			3										
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1				
III	Nhân viên	9													
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	7			2			5							
..	..														

Quận 6, ngày 26 tháng 7 năm 2022



Nguyễn Thị Bích Loan